

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác nhiệm kỳ 2020 – 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2025 – 2030

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC NHIỆM KỲ 2020 – 2025

I. Đặc điểm tình hình

Công ty Cổ phần Môi trường Bình Định với hoạt động chính: Vệ sinh môi trường, xử lý chất thải rắn; quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị; hút và xử lý bùn bể phốt; quản lý nghĩa trang và dịch vụ tang lễ; tổ chức cứu hộ, cứu nạn trên bãi biển Quy Nhơn ... Ngoài ra, Công ty còn kinh doanh các sản phẩm vệ sinh môi trường.

Tổ chức bộ máy hoạt động Công ty gồm: Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, 04 Phòng, 02 Xí nghiệp và 07 Đội trực thuộc Công ty.

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2024: Tổng số CBCNV: 664 người.

Trình độ chuyên môn:	+ Thạc sỹ:	13 người
	+ Đại học, Cao đẳng:	137 người
	+ Trung cấp:	18 người
	+ Sơ cấp, nghề:	16 người
	+ Lao động phổ thông:	480 người

II. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2020 – 2025

Trong nhiệm kỳ qua; Ban Điều hành Công ty đã bám sát, tổ chức thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty; nỗ lực chỉ đạo linh hoạt, kịp thời tháo gỡ khó khăn, thực hiện đảm bảo khối lượng, chất lượng công việc, tăng năng suất lao động, tối ưu hóa các hoạt động, giảm thiểu chi phí, hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước, ổn định việc làm, tăng thu nhập, đảm bảo đời sống cho người lao động, người lao động có phúc lợi tốt hơn và yên tâm làm việc; đảm bảo quyền và lợi ích theo quy định cho cổ đông Công ty.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản nêu trên, trong vận hành Công ty còn gặp nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng bởi tình hình thời tiết, bão lũ kéo dài, đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, tác động nặng nề, dẫn đến suy thoái kinh tế toàn cầu; với ý thức giữ gìn, vệ sinh môi trường và thanh toán dịch vụ thụ hưởng từ DVVS của một bộ phận dân cư còn hạn chế; đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và thực hiện nhiệm vụ của Công ty.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2020 – 2025:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/KH
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	643.780	694.134	108%
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	606.154	653.334	108%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	37.626	40.800	108%
4	Thu nhập bình quân của CBCNV: người/tháng	Triệu đồng	8,74	9,08	104%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	17,55	19,44	111%
6	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ	%	6	6	100%

** Chi tiết số liệu từng năm Phụ lục 1 kèm theo.*

1. Vệ sinh môi trường, xử lý rác thải và thu tiền dịch vụ vệ sinh

Triển khai thực hiện các Gói thầu Thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải, vệ sinh công cộng thành phố Quy Nhơn đảm bảo theo quy định. Tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ vệ sinh đường phố, khu dân cư, bãi biển, thực hiện công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải đảm bảo VSMT; tăng tần suất, phủ kín địa bàn thu gom rác khu vực ngoại thành; tiếp nhận và triển khai thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải tại Hải Minh (khu vực 9, phường Hải Cảng), xã Nhơn Châu, xã Nhơn Hải, xã Nhơn Lý và xã Nhơn Hội; từng bước mở rộng phạm vi hoạt động. Thực hiện đảm bảo công tác VSMT các ngày Lễ lớn, phục vụ các sự kiện tổ chức trên địa bàn thành phố Quy Nhơn; góp phần duy trì và phát huy danh hiệu đã được công nhận của thành phố Quy Nhơn - “Thành phố du lịch sạch ASEAN” do diễn đàn du lịch ASEAN (ATF) bình chọn.

Trong thời gian đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, Ban Điều hành Công ty đã chỉ đạo hiệu quả, linh hoạt, đảm bảo công tác vệ sinh môi trường tại các khu vực cách ly, phong tỏa, các điểm kiểm dịch, các chốt kiểm tra y tế, các điểm tiêm vắc-xin và các điểm test nhanh Covid-19. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, tuyên truyền, vận động nhân dân bỏ rác vào bao bì, bỏ rác đúng thời gian và địa điểm quy định, bố trí công nhân thu gom và phun khử khuẩn đảm bảo quy trình trước khi vận chuyển, xử lý theo quy định.

Cùng với tốc độ đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ, để nâng cao chất lượng dịch vụ vận vệ sinh môi trường, Ban Điều hành Công ty quan tâm chỉ đạo đầu tư mới trang thiết bị, phương tiện; đẩy mạnh thực hiện cơ giới hóa trong công tác vệ sinh môi trường, triển khai phương án sử dụng xe chuyên dùng chạy các tuyến đường để thu gom, vận chuyển rác, xóa bỏ điểm trung chuyển rác là một giải pháp, cách làm hiệu quả, vì điểm trung chuyển có khả năng phát sinh ô nhiễm môi trường; sử dụng hiệu quả xe quét, hút bụi các tuyến đường chính trong thành phố Quy Nhơn, bố trí xe sàng cát biển dọc bãi biển Quy Nhơn; góp phần giảm sức lao động và tăng năng suất làm việc của người lao động, nâng cao chất lượng dịch vụ vệ sinh môi trường.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, vận hành Khu xử lý chất thải Long Mỹ đảm bảo VSMT theo đúng quy trình, quy định; xử lý mùi hôi, diệt côn trùng, đầm nén, phủ ô chôn lấp kịp thời, hạn chế tối đa rác lộ thiên. Thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường theo quy định, các chỉ tiêu môi trường đều đạt theo quy chuẩn hiện hành.

Tiếp nhận và quản lý, vận hành Lò đốt rác thải xã Nhơn Châu hoạt động ổn định, đảm bảo các tiêu chuẩn quy định.

Phối hợp với Chương trình phát triển Liên hiệp quốc tại Việt Nam (UNDP Việt Nam), Ban Quản lý phi Dự án thuộc UBND thành phố Quy Nhơn; Công ty triển khai thực hiện các hoạt động trong khuôn khổ Phi Dự án “Thí điểm các mô hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải trong ngành thủy sản nhằm thúc đẩy Kinh tế tuần hoàn tại thành phố Quy Nhơn”, xây dựng hoàn thành Cơ sở thu hồi vật liệu (MRF) – là mô hình kinh tế tuần hoàn và đưa vào vận hành, đồng bộ với việc khởi động chương trình phân loại rác tại nguồn của Thành phố, nhằm góp phần vào việc thực hiện thúc đẩy phân loại rác tại nguồn, tăng cường công tác tái chế và tạo mạng lưới thu gom phế liệu tại địa bàn thành phố Quy Nhơn, góp phần vào mục tiêu quản lý chất thải rắn tổng hợp, bền vững, nhằm biến rác thải thành tài nguyên.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Luỹ kế 5 năm
1	Khối lượng rác thải thu gom, vận chuyển	Tấn	97.079	96.966	102.068	102.679	105.894	504.686
2	Khối lượng rác thải xử lý tại bãi chôn lấp	Tấn	96.781	97.089	101.697	102.649	105.864	504.080
3	Khối lượng rác thải đầu vào sản xuất phân compost	Tấn	1.006,55	1.100,03	1.100,05	600,35	82,94	3.889,92
4	Khối lượng phân compost thành phẩm	Tấn	100,0	110,0	110,00	52,61	5,74	378,350

Thực hiện thu tiền DVVS đúng, đủ theo quy định và tăng cường khai thác thu tiền DVVS các hợp đồng phát sinh; triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý khách hàng và thực hiện hoá đơn điện tử theo quy định; đẩy mạnh và duy trì công tác nhờ thu tiền DVVS qua hệ thống ngân hàng; phối hợp với Văn phòng UBND Tỉnh thực hiện thu tiền DVVS trên cổng Dịch vụ công của Tỉnh; nhằm đẩy mạnh thực hiện giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt.

2. Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước, xử lý nước thải đô thị

Triển khai thực hiện các Gói thầu Quản lý, vận hành 02 nhà máy xử lý nước thải, các trạm bơm, hệ thống giếng tách, tuyến ống áp lực thành phố Quy Nhơn; quản lý, vận hành, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, xây lắp mới mạng lưới thoát nước đảm bảo theo quy định.

a. Quản lý, vận hành mạng lưới thoát nước

Thường xuyên tuần tra, kiểm tra hệ thống thoát nước với chiều dài hiện nay 184,738 km; kịp thời phát hiện các sự cố, hư hỏng, không đảm bảo tiêu thoát nước, báo cáo đề xuất cho thay thế, khắc phục; kiểm tra, tháo dỡ các vật che chắn miệng thu nước hố ga, hố thu.

Từ năm 2020 đến năm 2024, Công ty thực hiện xây lắp mới, cải tạo, sửa chữa 38 tuyến thoát nước với chiều dài 3.241 m, 281 hố thu nước kiểu mới, 146 hố ga; nạo vét 125 tuyến thoát nước với khối lượng bùn đất 16.512 m³, 16.085 cụm hố ga ngăn mùi với khối lượng bùn đất 2.960 m³. Theo dõi, phối hợp thực hiện công tác đầu nổi nước thải; thi công đầu nổi nước thải cho 873 hộ dân và 131 tổ chức; tỷ lệ đầu nổi đạt 55,94%.

Vận hành, kiểm tra và bảo dưỡng thường xuyên Cửa phai điều tiết nước hồ sinh thái Đồng Đa, dàn van phai phường Ghềnh Ráng theo quy trình, quy định.

Thành lập và duy trì hoạt động của Tổ xung kích xử lý chống ngập úng; kịp thời thu gom rác, khơi thông hố ga, hố thu đảm bảo vệ sinh môi trường và tiêu thoát nước.

b. Xử lý nước thải

Thực hiện quản lý, vận hành 02 nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình và 2A (trong đó, từ tháng 7/2024, nhà máy Nhơn Bình nâng công suất từ 14.000 m³/ngày lên 28.000 m³/ngày), các trạm bơm và hệ thống tuyến ống áp lực, Trạm xử lý nước rỉ rác Long Mỹ (tiếp nhận từ năm 2022) hoạt động ổn định, đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định; bảo dưỡng thiết bị theo quy trình kỹ thuật, sổ tay vận hành; quan trắc định kỳ; kịp thời khắc phục sự cố, sửa chữa hư hỏng, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định. Chất lượng môi trường và nước thải đầu ra đều đạt quy chuẩn theo quy định.

TT	Lưu lượng nước xử lý	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Lũy kế 5 năm
1	Nhà máy XLNT Nhơn Bình	m ³	5.092.836	5.037.369	5.038.085	5.102.186	5.236.516	25.507.037
2	Nhà máy XLNT 2A	m ³	363.437	410.165	449.010	499.711	495.293	2.217.616
3	Trạm xử lý nước rỉ rác Long Mỹ	m ³	-	-	56.394	101.400	76.777	234.571

3. Đầu tư, quản lý phương tiện thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh

Trên cơ sở danh mục đầu tư tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và kế hoạch đầu tư Nhà nước giao, Ban Điều hành Công ty đã chỉ đạo triển khai đầu tư, thực hiện các hạng mục công trình được duyệt. Trong quá trình quản lý đầu tư, Công ty luôn thực hiện đúng quy định hiện hành và đảm bảo hoàn thành kế hoạch vốn được giao.

Trong nhiệm kỳ, Ban Điều hành Công ty đã chỉ đạo thực hiện 10 công trình, hạng mục từ nguồn vốn của doanh nghiệp, với tổng giá trị quyết toán công trình là 19,235 tỷ đồng; trong đó, thực hiện đầu tư mua sắm 09 xe chuyên dùng phục vụ công tác vệ sinh môi trường, thoát nước đô thị.

4. Quản lý nghĩa trang và dịch vụ mai táng

Quản lý nghĩa trang Bùi Thị Xuân và nghĩa trang Quy Nhơn theo quy hoạch, công tác phục vụ tang lễ luôn được thực hiện chu đáo, đáp ứng kịp thời nguyện vọng của nhân dân; đảm bảo vệ sinh môi trường và an ninh trật tự. Tiếp nhận quản lý Khu cải táng tại xã Phước Mỹ theo quy định.

Thực hiện công trình Mở rộng nghĩa trang Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn kịp thời phục vụ nhân dân.

5. Cứu hộ, cứu nạn khu vực bãi tắm biển Quy Nhơn và quản lý khu neo đậu tàu thuyền

Thường xuyên kiểm tra, gia cố hệ thống dây phao giới hạn khu vực bãi tắm biển Quy Nhơn. Lực lượng cứu hộ được tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng cứu hộ, cứu nạn đuối nước. Thực hiện tốt và từng bước chuyên nghiệp, nâng cao năng lực thực hiện công tác cứu hộ, cứu nạn khu vực bãi tắm biển Quy Nhơn. Sử dụng thuyền Kayak, mô tô nước phục vụ cứu hộ, kịp thời cứu hộ khẩn cấp. Thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn khách du lịch và người dân tắm trong khu vực cho phép để đảm bảo an toàn. Từ năm 2020 đến năm 2024, đã cứu được 199 trường hợp bị đuối nước trong lúc tắm biển.

Quản lý, giữ gìn hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tài sản của ngư dân và đảm bảo công tác vệ sinh môi trường trên mặt nước và trên bờ tại Khu neo đậu tàu thuyền.

6. Các nội dung khác

a. Quản lý tài chính

Xây dựng Quy chế quản lý tài chính hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát theo định mức, tiết kiệm chi phí, quản lý chặt chẽ các nguồn vốn nhằm sử dụng hiệu quả, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Bảo đảm vốn trong hoạt động kinh doanh; thực hiện tốt công tác quản lý nợ phải thu, phải trả; thanh toán đầy đủ kịp thời các khoản thu chi; nộp đầy đủ, đúng thời gian quy định các khoản thuế vào ngân sách Nhà nước.

b. Truyền thông bảo vệ môi trường

Công tác tuyên truyền giữ gìn vệ sinh môi trường luôn được Ban Điều hành Công ty quan tâm; chỉ đạo thực hiện điều chuyển công nhân quét, thu gom rác về làm việc trên các tuyến đường gần nhà nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động khi đi làm, đồng thời công nhân và người dân có sự chia sẻ, tiếp nhận thông tin để nâng cao chất lượng dịch vụ. Triển khai thực hiện công tác “Vệ sinh môi trường cơ động”, hoạt động theo phương thức công nhân vừa vệ sinh môi trường, vừa tuyên truyền mọi người nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, không vứt rác bừa bãi. Thường xuyên phối hợp với UBND các phường tuyên truyền, vận động cán bộ, nhân dân giữ gìn vệ sinh môi trường, bỏ rác đúng giờ và đúng nơi quy định, không sử dụng các vật che đậy miệng hố ga, tránh gây ngập úng.

Thiết lập và duy trì hoạt động 02 điểm truyền thông tại 02 vị trí: trụ sở chính Công ty (40 Phan Bội Châu, phường Thị Nại, thành phố Quy Nhơn) và Đội Môi trường số 4 (75 Nguyễn Diêu, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn). Tổ chức các hoạt động truyền thông tái chế rác thải nhựa, đổi rác thải nhựa lấy quà, thu mua phế liệu nhựa.

c. Chế độ người lao động, hoạt động xã hội

Công ty luôn gắn liền mục tiêu lợi nhuận với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội trong các hoạt động của Công ty. Đảm bảo việc làm ổn định cho người lao động; thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người lao động; cấp phát và trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% CBCNV Công ty; kịp thời hỗ trợ cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, đối tượng chính sách trong các dịp Lễ, Tết và giúp đỡ tinh thần vật chất cho CBCNV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, để ổn định cuộc sống, an tâm công tác.

d. Đào tạo nhân sự

Tăng cường công tác đào tạo nhân sự nhằm từng bước đáp ứng yêu cầu về chất lượng dịch vụ, đảm bảo năng lực cạnh tranh, thực hiện các mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

III. Đánh giá kết quả đạt được

Qua 5 năm triển khai thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty, tuy gặp nhiều khó khăn và thách thức, nhưng năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng tăng trưởng và phát triển bền vững, cơ sở vật chất, trang thiết bị - máy móc hoạt động từng bước được đầu tư, nâng cấp theo hướng hiện đại, hiệu quả; đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ vệ sinh môi trường so với tốc độ đô thị hoá Thành phố. Đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, công nhân lao động Công ty ngày càng được cải thiện và thu nhập ổn định, an tâm gắn bó với công việc; công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ trong Công ty được đảm bảo an toàn. Cơ cấu tổ chức của Công ty tiếp tục được củng cố, kiện toàn, phát huy hiệu quả hoạt động; góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Quy Nhơn và tỉnh Bình Định trong giai đoạn mới.

B. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ 2025 – 2030

I. Thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh

1. Phân đấu thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra hằng năm.
2. Khối lượng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đảm bảo theo khối lượng phát sinh hàng năm, không để tồn đọng rác, đất, cát trên các tuyến đường đô thị.
3. Tổng doanh thu, thu nhập CBCNV năm sau cao hơn năm trước. Đảm bảo cổ tức hàng năm của cổ đông theo quy định.
4. Quản lý và vận hành 02 nhà máy xử lý nước thải, các trạm bơm, hệ thống thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Quy Nhơn đảm bảo hiệu quả, vệ sinh môi trường.

5. Quản lý, vận hành Khu xử lý chất thải rắn; Trạm xử lý nước rỉ rác Long Mỹ; Lò đốt rác thải xã Nhơn Châu; Cơ sở thu hồi vật liệu MRF hiệu quả theo đúng quy định.

6. Quản lý nghĩa trang Bùi Thị Xuân, nghĩa trang Quy Nhơn, khu cải táng xã Phước Mỹ, xây dựng khuôn viên nghĩa trang, đảm bảo trang nghiêm, cảnh quan và vệ sinh môi trường, an ninh trật tự.

7. Mở rộng đa dạng hoá các loại hình dịch vụ, tiếp cận thị trường mục tiêu để cung ứng các sản phẩm dịch vụ như: vệ sinh môi trường, hút bùn bể phốt, tư vấn và thi công các công trình xây dựng, hệ thống xử lý chất thải rắn, thoát nước trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Bình Định, đảm bảo lợi nhuận kinh doanh, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho CBCNV.

Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2025 – 2030:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.120.155
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	1.055.035
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	65.120
4	Thu nhập bình quân của CBCNV: người/tháng	Triệu đồng	10,62
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	25,34
6	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ	%	6,00

** Chi tiết số liệu từng năm Phụ lục 2 kèm theo.*

II. Giải pháp thực hiện

1. Công tác tổ chức và quản lý hoạt động doanh nghiệp

Chỉ đạo thực hiện rà soát, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, nhân sự các phòng, đơn vị trực thuộc Công ty, tinh gọn bộ máy, giảm nhân sự gián tiếp; sắp xếp, bố trí lại đội ngũ lãnh đạo, CBCNV nhằm thuận lợi hơn cho quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, tăng hiệu quả trong việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ được giao; góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty, đáp ứng nhiệm vụ, yêu cầu sản xuất kinh doanh trong giai đoạn mới.

Ứng phó kịp thời, linh hoạt, đảm bảo thị phần hoạt động của Công ty trong tình hình mới khi Đảng và Nhà nước đang thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị với chủ trương không tổ chức cấp huyện, sáp nhập cấp tỉnh.

Nghiên cứu việc mở rộng địa bàn thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại các địa phương trong và ngoài tỉnh, tham gia đấu thầu thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại các địa phương có tổ chức đấu thầu để thực hiện theo quy định. Tích cực chủ động tiếp cận các dự án mới đầu tư vào tỉnh; các khu đô thị, khu dân cư mới hình thành; mở rộng địa bàn cung cấp dịch vụ sau sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh, ... đảm bảo tăng trưởng không thấp hơn tăng trưởng chung của tỉnh (8,5% trở lên).

Tiếp tục duy trì xây dựng văn hóa doanh nghiệp, giải quyết và chăm lo thiết thực đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng và phúc lợi khác cho người lao động; thực hiện khuyến học, khuyến tài cho các thế hệ là con những người lao động. Tích cực tham gia công tác xã hội và hoạt động nhân đạo, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, tăng cường tình đoàn kết, giao lưu, học tập giữa các đơn vị và địa phương.

Thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo CBCNV nhằm nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ; định mức, bố trí, phân bổ, điều chuyển lao động phù hợp; xây dựng được đội ngũ cán bộ, công nhân viên chuyên nghiệp, lành nghề; tạo điều kiện cho người lao động có năng lực, nhiệt tình, có thành tích tốt được tham gia nghiên cứu, học tập để nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ được giao. Từ đó, đảm bảo nhu cầu nhân sự trong tương lai khi các nhà máy nâng công suất, thay đổi công nghệ và đảm bảo năng lực cạnh tranh, thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện các giải pháp về bảo vệ môi trường liên quan đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ, mua sắm trang thiết bị, phương tiện; đẩy mạnh thực hiện cơ giới hóa trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; đặc biệt là trong công tác thu gom, vận chuyển rác để giảm sức lao động, tăng năng suất lao động, giảm lượng xe cải tiến tập kết tại các điểm trung chuyển, hạn chế ô nhiễm môi trường, tạo cảnh quan sạch đẹp.

Tiếp tục rà soát, bổ sung và thực hiện tốt Quy chế dân chủ, đoàn kết thống nhất nội bộ, phát huy quyền làm chủ của người lao động, thực hiện nghiêm công tác kỷ luật lao động để tăng cường ý thức trách nhiệm của CBCNV trong công việc và nhiệm vụ được giao. Bảo đảm chế độ, ổn định việc làm, tăng thu nhập cho CBCNV.

Lập hồ sơ dự thầu tối ưu để đảm bảo tham gia trúng thầu các gói thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công lĩnh vực vệ sinh môi trường; công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải theo quy định.

Liên danh, liên kết với các đơn vị có năng lực để đầu tư vào các hoạt động xử lý nước thải, rác thải và các lĩnh vực khác theo quy định, góp phần đem lại lợi ích cho Công ty, Nhà nước và cộng đồng xã hội.

Xây dựng Công ty “vì môi trường sạch – đẹp – bền vững”, hài hoà giữa hoạt động kinh doanh và thực hiện nhiệm vụ chính trị trong công tác vệ sinh môi trường và chỉnh trang đô thị, góp phần vào mục tiêu phát triển du lịch, tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tiếp tục triển khai hệ thống hoá và chuyển đổi số các cơ sở dữ liệu của Công ty, ứng dụng các phần mềm trong quản lý khách hàng, quản lý công việc, quản lý nhân sự, xây dựng các bản đồ số để quản lý công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn và quản lý hệ thống thoát nước; từ đó, góp phần chuyên nghiệp hoá công tác quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ và xây dựng thương hiệu Công ty ngày càng vững mạnh.

2. Vệ sinh môi trường, xử lý rác thải và thu tiền dịch vụ vệ sinh

Trong thời gian tới, tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ vệ sinh, góp phần đảm bảo cho nhân dân có môi trường trong lành, khoẻ mạnh, sạch - đẹp – bền vững, góp phần thúc đẩy phát triển du lịch.

Kiểm tra, triển khai thực tốt công tác VSMT, đảm bảo mỹ quan đô thị nhân các ngày Lễ, Tết và chào mừng các sự kiện kinh tế - chính trị.

Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp về bảo vệ môi trường liên quan đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, trong đó chú trọng các công trình xử lý chất thải như Khu xử lý chất thải rắn Long Mỹ, Lò đốt rác thải xã Nhơn Châu, 02 nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình và 2A, với mục tiêu không phát sinh ô nhiễm, sự cố môi trường.

Nâng cao chất lượng phục vụ dịch vụ VSMT, đảm bảo chất lượng, xử lý kịp thời các điểm rác phát sinh nơi công cộng, khu dân cư, mặt nước, đầm hồ và bãi biển; tăng cường công tác kiểm tra, tuyên truyền, vận động nhân dân ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường. Triển khai mở rộng địa bàn thu gom rác các khu dân cư còn lại. Triển khai thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý rác phân loại tại nguồn.

Thực hiện truyền thông giữ gìn vệ sinh môi trường, tuyên truyền người dân bỏ rác đúng giờ, đúng nơi quy định. Nghiên cứu, triển khai các mô hình mới, tăng cường cơ giới hóa trong thu gom, vận chuyển rác; hạn chế ô nhiễm môi trường, tạo cảnh quan sạch đẹp.

Xây dựng kế hoạch, phương thức thực hiện, lộ trình thu gom, vận chuyển hiệu quả, đảm bảo vệ sinh môi trường.

Quản lý, vận hành Khu xử lý chất thải rắn Long Mỹ, Lò đốt rác thải xã Nhơn Châu, Cơ sở thu hồi vật liệu MRF theo đúng quy định.

Tăng cường kiểm tra địa bàn, đối soát sổ bộ công tác thu tiền DVVS, tiếp tục khai thác các hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải tạo nguồn thu cho Công ty. Phối hợp chặt chẽ UBND các phường thực hiện tốt công tác chống thất thu tiền DVVS. Tăng cường triển khai các phương thức nhờ thu tiền DVVS nhằm đẩy mạnh thực hiện giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt.

3. Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước, xử lý nước thải đô thị

Thực hiện nạo vét đảm bảo tiến độ, duy trì, vận hành hệ thống thoát nước đảm bảo quy trình, xử lý tiêu thoát nước nhanh vào mùa mưa. Thường xuyên kiểm tra, khắc phục và xử lý kịp thời các sự cố xảy ra trên toàn hệ thống thoát nước thành phố; thực hiện tốt công tác quản lý, vận hành 02 nhà máy xử lý nước thải (trong đó, nhà máy Nhơn Bình nâng công suất từ 14.000 m³/ngày lên 28.000 m³/ngày), các trạm bơm và Trạm xử lý nước rỉ rác Long Mỹ theo đúng quy trình, quy định.

Tăng cường kiểm tra hệ thống thoát nước, phát hiện các tấm đan, hố ga bị hư hỏng, mất trên các tuyến thoát nước trong thành phố, báo cáo để gia công thay thế kịp thời; kiểm tra, tháo dỡ các vật che chắn miệng thu nước hố ga, hố thu đảm bảo tiêu thoát nước; tuyên truyền, nhắc nhở các hộ dân trong quá trình xây dựng không để vật liệu cát, đất, xi măng chảy vào hố ga, hố thu gây tắc nghẽn; kiểm tra công tác đầu nổi thoát nước của hộ dân và tổ chức, phối hợp các đơn vị liên quan xử lý theo quy định.

Duy trì hoạt động của Tổ xung kích chống ngập úng; tăng cường kiểm tra hệ thống thoát nước, đảm bảo tiêu thoát nước; xử lý và đề xuất xử lý kịp thời các sự cố, hư hỏng.

4. Cứu hộ, cứu nạn khu vực bãi tắm biển Quy Nhơn và quản lý khu neo đậu tàu thuyền

Tiếp tục duy trì, nâng cao hiệu quả hoạt động cứu hộ, cứu nạn của Đội Cứu hộ bãi biển Quy Nhơn tại khu vực bãi tắm biển Quy Nhơn. Tăng cường sử dụng phương tiện, cơ giới phục vụ công tác cứu hộ.

Tăng cường quản lý, giữ gìn hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tài sản của ngư dân và đảm bảo công tác vệ sinh môi trường tại khu neo đậu tàu thuyền.

5. Đầu tư phương tiện thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh

Tiếp tục nghiên cứu, đầu tư phương tiện để thực hiện cơ giới hóa, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là trong thu gom, vận chuyển, xử lý rác.

6. Quản lý nghĩa trang và dịch vụ mai táng

Quản lý, phục tốt việc mai táng, cải táng và xây dựng mộ tại nghĩa trang theo quy hoạch; tăng cường bảo vệ ANTT, chống lấn chiếm đất tại nghĩa trang.

7. Các nội dung khác

Xây dựng kế hoạch tài chính hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ; nâng cao chất lượng quản trị tài chính, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát theo định mức, tiết kiệm chi phí, quản lý chặt chẽ các nguồn vốn nhằm sử dụng hiệu quả vốn Công ty.

Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp về bảo vệ môi trường, truyền thông bảo vệ môi trường trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Tiếp tục thực hiện việc trích nộp đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN, BHCN; chi trả đầy đủ, kịp thời tiền lương và các chế độ khác cho người lao động; từ đó, người lao động ổn định cuộc sống, an tâm công tác.

Từng bước ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý và sản xuất kinh doanh. Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các quy chế quản lý của Công ty để tạo động lực thúc đẩy phát triển toàn diện.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện công tác nhiệm kỳ 2020 – 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2025 – 2030 của Công ty Cổ phần Môi trường Bình Định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Tấn Nghĩa

Phụ lục 1: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh từ năm 2020 – 2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020			Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024		
			Kế hoạch	Thực hiện	% TH/KH	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/KH	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/KH	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/KH	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/KH
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	124.635	118.477	95%	118.570	120.213	101%	123.550	133.223	108%	128.725	155.810	121%	148.300	166.411	112%
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	117.783	111.584	95%	111.600	113.130	101%	116.333	125.787	108%	121.215	146.733	121%	139.223	156.100	112%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.852	6.893	101%	6.970	7.083	102%	7.217	7.436	103%	7.510	9.077	121%	9.077	10.311	114%
4	Thu nhập bình quân của CBCNV: người/tháng	Triệu đồng	8,4	8,6	102%	8,6	8,6	100%	8,6	8,7	101%	8,7	9,4	108%	9,4	10,1	107%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	15,99	17,29	108%	16,27	17,75	109%	16,82	17,27	103%	17,5	21,07	120%	21,16	23,84	113%
6	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ	%	6	6	100%	6	6	100%	6	6	100%	6	6	100%	6	6	100%

Phụ lục 2: Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh từ năm 2025 – 2030

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	180.555	184.200	186.000	187.900	189.800	191.700
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	169.935	173.500	175.200	177.000	178.800	180.600
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	10.620	10.700	10.800	10.900	11.000	11.100
4	Thu nhập bình quân của CBCNV: người/tháng	Triệu đồng	10,1	10,3	10,5	10,7	10,9	11,2
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	24,79	24,98	25,21	25,44	25,68	25,91
6	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ	%	6	6	6	6	6	6